

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác
khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã;

Căn cứ Công văn số 10120/BNNMT-KN ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn nội dung quy chế phối hợp công tác khuyến nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 143/TTr-SNNMT ngày 06 tháng 3 năm 2026, Công văn số 2728/SNNMT-TTKN ngày 24 tháng 3 năm 2026; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 661/STP-XD&TĐTHPL ngày 23 tháng 3 năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: PCVP-Nguyễn Đăng Trình;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.NLTA.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Tâm Hiền

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về đối tượng, mục đích, nguyên tắc, nội dung, phương thức phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này được phối hợp thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Khuyến nông; các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp xã.

3. Viên chức khuyến nông; cộng tác viên khuyến nông; tổ khuyến nông cộng đồng.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Các cụm từ viết tắt

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh viết tắt là “SNNMT”.

2. Trung tâm Khuyến nông tỉnh viết tắt là “TTKN”.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu viết tắt là “UBND cấp xã”.

Điều 4. Mục đích phối hợp

1. Đảm bảo sự thống nhất trong quản lý, chỉ đạo, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác khuyến nông; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác khuyến nông phục vụ phát triển nông nghiệp, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

2. Thu hút, huy động nguồn lực và sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, kịp thời, công khai, minh bạch; không làm phát sinh nội dung ngoài chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.
2. Xác định rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp; trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; nội dung, thời gian, cách thức thực hiện; chế độ thông tin, báo cáo.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế tổ chức hoạt động của từng cơ quan, đơn vị và trách nhiệm, quyền hạn của công chức, viên chức, người lao động.
4. Các bên liên quan phải chủ động cùng phối hợp, bàn bạc giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình phối hợp, nếu có vướng mắc mà các bên không thống nhất được cách giải quyết thì cơ quan chủ trì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
5. Phối hợp theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông triển khai trên địa bàn và đề xuất điều chỉnh kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất.

Điều 6. Nội dung phối hợp

1. Đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông.
2. Xây dựng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.
3. Hướng dẫn, điều phối, đôn đốc, hỗ trợ công tác khuyến nông xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.
4. Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, thông tin tuyên truyền, diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, tham quan học tập nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, nông dân, người sản xuất.
5. Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với từng địa phương và định hướng phát triển của Ngành; chuyên giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ từ các mô hình, điển hình sản xuất ra diện rộng; hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu đạt chuẩn.
6. Tổ chức thực hiện và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về khuyến nông theo quy định của pháp luật.
7. Tư vấn, dịch vụ, hợp tác quốc tế, hợp tác công tư trong hoạt động khuyến nông theo quy định của pháp luật.
8. Phối hợp thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông trên địa bàn toàn tỉnh.
9. Tham gia công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phòng chống và khắc phục hậu quả sau thiên tai, dịch bệnh và thực hiện các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ môi trường tại địa phương.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp với các cơ quan khác, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng một trong các phương thức sau:

1. Lấy ý kiến bằng văn bản

a) Cơ quan chủ trì gửi văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia ý kiến, cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đầy đủ nội dung, kịp thời cho cơ quan chủ trì. Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu trả lời bằng văn bản đảm bảo thời gian theo quy định.

b) Cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp của mình. Trường hợp hồ sơ chưa đủ cơ sở pháp lý, cần phải xem xét, thẩm tra bổ sung dẫn đến thời gian giải quyết kéo dài hơn quy định thì cơ quan phối hợp phải nêu rõ lý do bằng văn bản và xác định rõ thời gian xin gia hạn.

2. Lấy ý kiến tại cuộc họp hoặc phối hợp kiểm tra thực địa

a) Cơ quan chủ trì tổ chức cuộc họp hoặc kiểm tra thực địa có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan gửi cho các cơ quan phối hợp trước thời gian tổ chức cuộc họp hoặc kiểm tra thực địa ít nhất một (01) ngày làm việc; có công văn mời họp hoặc kiểm tra thực địa, trong đó xác định thành phần tham gia, thời gian, địa điểm, nội dung cuộc họp hoặc kiểm tra thực địa; Trường hợp tổ chức họp hoặc kiểm tra thực địa đột xuất, chưa chuẩn bị được tài liệu, nội dung thì nêu rõ lý do.

b) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ nội dung cuộc họp hoặc buổi kiểm tra thực địa bằng biên bản. Kết thúc cuộc họp hoặc buổi kiểm tra thực địa, các thành viên tham gia họp có trách nhiệm ký vào biên bản để xác nhận ý kiến của mình, trường hợp có một hoặc các bên không thống nhất nội dung thì được bảo lưu ý kiến của mình trong biên bản và cơ quan chủ trì trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

c) Cơ quan phối hợp cử công chức, viên chức, người lao động có chuyên môn nghiệp vụ để phối hợp với cơ quan chủ trì giải quyết công việc nhanh chóng, thuận lợi và đảm bảo đúng nguyên tắc phối hợp; Ý kiến phát biểu của người dự họp được xem là ý kiến của cơ quan đơn vị đó; Việc từ chối tham gia phải có thông báo nêu rõ lý do bằng văn bản cho cơ quan chủ trì biết.

3. Các phương thức phối hợp khác.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chỉ đạo các đơn vị xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành.

2. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật về lĩnh vực khuyến nông, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

3. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành.

4. Chỉ đạo các đơn vị thuộc sở phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị có liên quan thực hiện công tác khuyến nông tại các địa phương.

5. Kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực khuyến nông.

6. Giám sát việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất đối với các nội dung có liên quan đến lĩnh vực khuyến nông tại các địa phương trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo quy định của Quy chế này.

7. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực khuyến nông trên phạm vi địa bàn tỉnh.

Điều 9. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến nông

1. Xây dựng cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ đối với công tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Xây dựng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Hướng dẫn, điều phối, đôn đốc, hỗ trợ công tác khuyến nông xã, công tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

4. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý và triển khai các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn.

5. Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức thực hiện đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, thông tin tuyên truyền, diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cấp xã, công tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, nông dân, người sản xuất.

6. Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với từng địa phương và định hướng phát triển của Ngành; chuyên giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ từ các mô hình, điển hình sản xuất ra diện rộng; hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu đạt chuẩn.

7. Tổ chức thực hiện và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về khuyến nông theo quy định của pháp luật.

8. Tư vấn, dịch vụ, hợp tác quốc tế, hợp tác công tư trong hoạt động khuyến nông theo quy định của pháp luật.

9. Phối hợp thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

10. Phối hợp tham gia công tác phòng chống và khắc phục hậu quả sau thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn tại địa phương.

11. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức họp giao ban liên ngành hàng quý và khi cần thiết.

12. Tham gia chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất tại cơ sở, tổng hợp thông tin tình hình sản xuất, chuyển giao kỹ thuật sản xuất, hướng dẫn thực hiện mô hình khuyến nông phù hợp với chỉ đạo sản xuất.

13. Phối hợp, hỗ trợ và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi tại cơ sở; Chia sẻ thông tin về sản xuất, phòng chống dịch bệnh và đề xuất giải pháp hướng dẫn, hỗ trợ người dân kịp thời.

14. Phối hợp kết nối doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức sản xuất, xây dựng thương hiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

15. Tham gia công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phòng chống và thực hiện các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ môi trường tại địa phương theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.

2. Phối hợp hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và các chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp,... Thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn sản xuất, phòng trừ dịch bệnh, dự báo tình hình và định hướng giải pháp thực hiện theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.

4. Phối hợp tổ chức thông tin tuyên truyền (hội thảo, hội nghị, hội chợ, tọa đàm, diễn đàn...), kết nối doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và cử công chức tham gia trình bày, báo cáo tại hội thảo, hội nghị chuyên môn (nếu có).

5. Phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực quản lý; hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức chuyên ngành cấp xã thực hiện tốt dịch vụ công theo quy định.

6. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong hoạt động khuyến nông thuộc lĩnh vực quản lý.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo các phòng chuyên môn cấp xã phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác khuyến nông.

2. Thực hiện các công việc theo quy định tại điểm 2 Điều 3 Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Chỉ đạo các phòng chuyên môn cấp xã thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, cử công chức, viên chức, người lao động phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tham gia phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác khuyến nông.

4. Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch thực hiện thống kê, đánh giá thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn cấp xã.

5. Chỉ đạo các phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí đối với phần việc của cấp xã theo quy định; bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện công tác thống kê, đánh giá thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn cấp xã.

6. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện thống kê, đánh giá thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn cấp xã tại địa phương.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp xã (Khuyến nông xã)

1. Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn khi được cấp có thẩm quyền giao.

2. Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông cấp xã trình UBND cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Phối hợp xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, phát triển cộng đồng, du lịch nông thôn, sản phẩm OCOP ... tại địa phương.

4. Tổ chức Thông tin, tuyên truyền các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tiến bộ khoa học, công nghệ, nhu cầu thị trường, mô hình, điển hình tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

5. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo, dạy nghề cho nông dân; thúc đẩy hình thành các nhóm nông dân khởi nghiệp, nông dân chuyên nghiệp, đổi mới sáng tạo trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp; nhân rộng, lan tỏa các mô hình nông dân sản xuất giỏi, nông dân làm kinh tế giỏi, nông dân dạy nông dân.

6. Xây dựng các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến và tổ chức tư vấn, dịch vụ về sản xuất, bảo quản, chế biến, xúc tiến thị trường,

tiêu thụ sản phẩm đáp ứng nhu cầu trên địa bàn; hướng dẫn nông dân tổ chức lại sản xuất, hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất tập trung đạt chuẩn.

7. Theo dõi diễn biến tình hình thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, tham gia các nhiệm vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường tại địa phương.

8. Định kỳ hằng tuần/tháng/quý/năm và khi cần thiết báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm Khuyến nông tỉnh về tình hình hoạt động khuyến nông và sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

9. Nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng của nông dân, các vấn đề phát sinh trong sản xuất nông nghiệp, báo cáo, phản ánh với cấp có thẩm quyền.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Chế độ thông tin báo cáo

1. Định kỳ hàng tháng, Khuyến nông xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm Khuyến nông tỉnh về tình hình hoạt động khuyến nông và sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

2. Trung tâm Khuyến nông tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và gửi cho các Chi cục quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc sở để biết, phối hợp công tác.

3. Khi phát hiện có thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và các vấn đề phát sinh tại cơ sở có liên quan, Khuyến nông xã báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Khuyến nông tỉnh và các đơn vị thuộc sở có liên quan để xử lý kịp thời.

4. Định kỳ hằng quý (trước ngày 30 tháng cuối quý), hằng năm (trước ngày 20 tháng 12), Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện quy chế này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông tỉnh và các đơn vị thuộc sở; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đúng các nội dung tại Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế, các địa phương, đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*thông qua Trung tâm Khuyến nông*), Ủy ban nhân dân cấp xã đề chủ động xem xét, giải quyết hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền./.